

Thứ hai, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Giữ vững mốc 980

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 20/8/2019		•	
Tuần 19/8-23/8/2019		•	
Tháng 8/2019		•	

Nhận định:

Thị trường: Thừa hưởng diễn biến tích cực từ các phiên giao dịch trước, ngay từ phiên sáng, VN-Index đã duy trì sắc xanh nhờ lực mua gia tăng ở các mã GAS, BID, VNM. Đến phiên chiều, trước sự phân hóa mạnh mẽ của nhóm cổ phiếu ngành Ngân hàng, đà tăng của chỉ số bị thu hẹp. Thị trường có phiên tăng điểm nhẹ theo xu hướng chung trong khu vực. Điểm đáng chú ý trong phiên giao dịch hôm nay đến từ việc khối ngoại đã quay lại mua ròng gần 900 tỷ. Mặc dù vậy, thanh khoản sụt giảm cũng cho thấy nhịp tăng của thị trường trong giai đoạn này chưa thực sự bền vững.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng khác đều tăng. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng ngắn hạn và 885 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 19/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến ảm đạm dù phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm mạnh. PNJ và FPT đang tích lũy sau khi chạm ngưỡng trên của kênh xu hướng tăng quanh vùng giá lần lượt là 86 và 52. Các chỉ báo kỹ thuật cũng cho thấy tín hiệu điều chỉnh giảm. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là PNJ và FPT có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme_BDS & Khu công nghiệp_+1.3%. Danh mục BDS & Khu công nghiệp hôm nay có hiệu suất ấn tượng +1.3%, so với mức tăng +0.1% của VNINDEX nhờ tình hình thương chiến Mỹ - Trung tiếp tục căng thẳng. Ngược lại, danh mục Vật liệu xây dựng giảm nhẹ -0.5%.

Phân tích kỹ thuật: PPC_Mô hình 2 đáy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+1.03 điểm**, đóng cửa 981.03. HNX-Index **+0.24 điểm**, đóng cửa 102.58.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+0.72); VHM (+0.70); GAS (+0.51); VNM (+0.41); BVH (+0.12).**
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.18); TCB (-0.35); MBB (-0.21); HNG (-0.14); VIC (-0.09).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,440.2 tỷ đồng**, **-35%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 5.78 điểm. Thị trường có 142 mã tăng và 147 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **881.19 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VIC (937.96 tỷ), VNM (36.43 tỷ) và MSN (6.73 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **5.45 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Quang

quangd@bsc.com.vn

VN-INDEX 981.03Giá trị: 2440.21 tỷ **1.03 (0.11%)**

Khối ngoại (ròng): 881.19 tỷ

HNX-INDEX 102.58Giá trị: 274.1 tỷ **0.23 (0.22%)**

Khối ngoại (ròng): -5.45 tỷ

UPCOM-INDEX 57.60Giá trị: 624.27 tỷ **0.05 (0.09%)**

Khối ngoại(ròng): 2.15 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.2	0.62%
Giá vàng	1,500	-0.90%
Tỷ giá USD/VND	23,210	-0.01%
Tỷ giá EUR/VND	25,761	0.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,779	-0.22%
LS liên NH 1 tháng	3.3%	4.00%
LS TPCP 5 năm	3.6%	4.41%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VIC	938.0	VJC	54.9
VNM	36.4	VCB	28.3
MSN	6.7	SGN	9.0
VRE	5.9	HPG	8.9
KBC	5.0	HAG	3.6

Nguồn: BSC Research

Tổng quan thị trường	Trang 1
Vận động ngành	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Cổ phiếu lớn	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Báo cáo mới nhất	Trang 7
iBroker	Trang 8
i-INVEST	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật hiệu suất i-Invest: Danh mục Theme

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_BDS & Khu công nghiệp_+1.3%

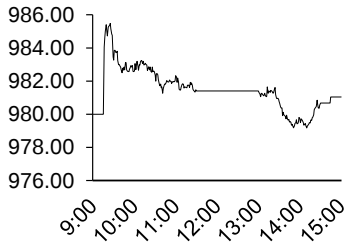
Danh mục Theme	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm
BDS & Khu công nghiệp	1.3%	2.4%	1.5%	2.4%	2.1%	4.5%
Chiến tranh thương mại	0.7%	0.0%	-1.6%	-0.8%	0.5%	15.5%
Dầu khí	0.7%	-0.7%	-3.0%	-7.3%	5.3%	7.7%
Nước & Năng lượng	0.6%	1.1%	-2.5%	-3.3%	3.0%	15.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.6%	0.2%	-1.5%	-3.0%	4.8%	20.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	2.5%	-3.0%	-5.1%	-3.4%	-1.4%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.3%	0.9%	0.4%	-2.6%	-1.4%	3.1%
Xây dựng	0.1%	1.5%	-2.9%	-6.4%	-6.6%	-10.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.1%	2.4%	4.7%	7.2%	6.8%	7.0%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	2.3%	2.0%	2.6%	2.0%	4.2%
Hàng tiêu dùng	-0.1%	0.8%	4.6%	3.8%	6.9%	11.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	-0.2%	1.5%	-0.5%	-3.3%	-0.6%	-2.4%
Ngân hàng	-0.5%	2.3%	-0.2%	4.1%	3.1%	-1.8%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	0.3%	1.0%	0.7%	5.0%	12.2%

VNINDEX	0.1%	0.6%	-0.1%	-0.5%	1.1%	1.3%
VN30INDEX	-0.1%	1.1%	1.2%	-1.0%	-1.8%	-6.1%

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Hình 1

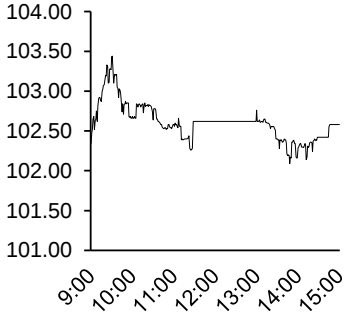
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

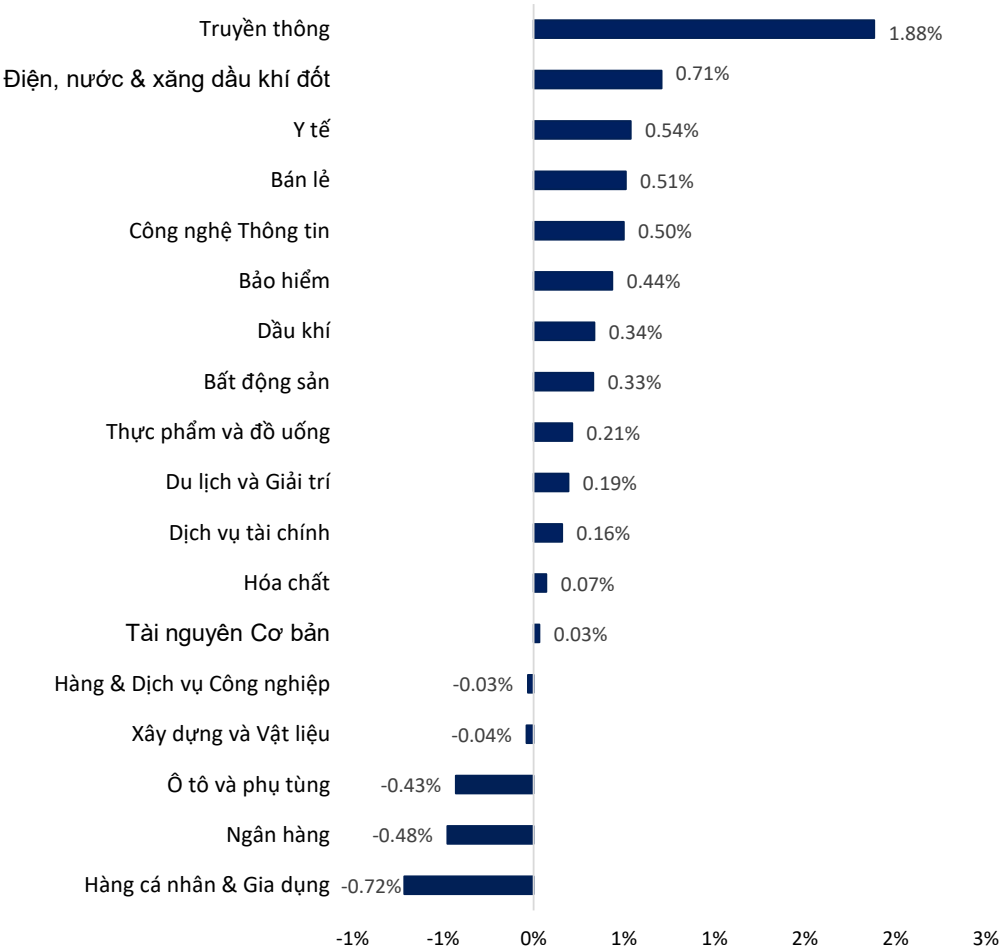
Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Vận động nhóm ngành trong phiên



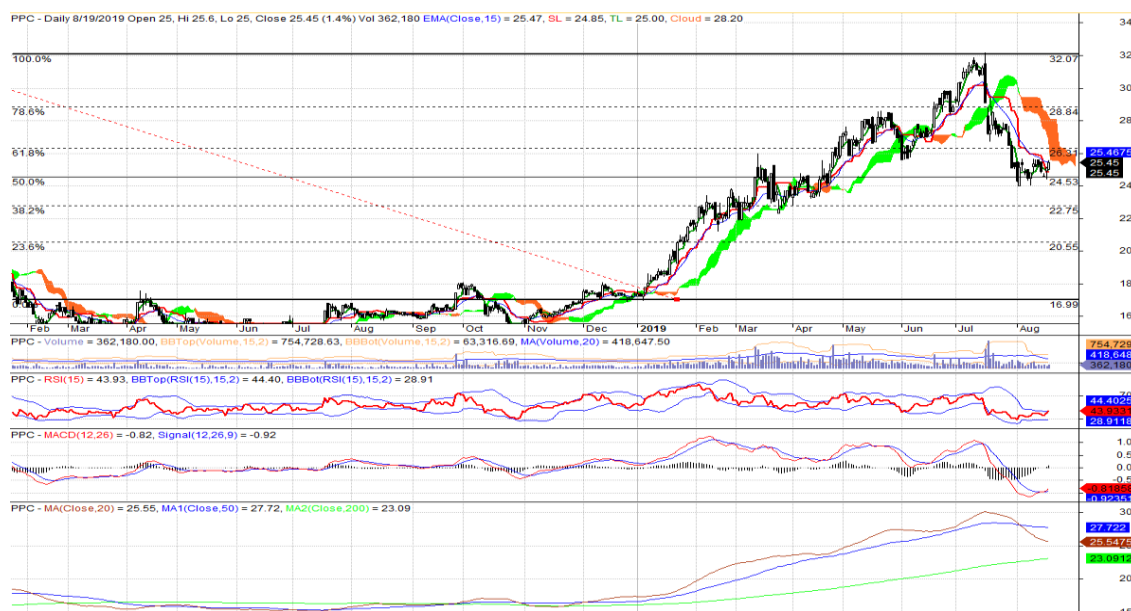
Phân tích kỹ thuật

PPC_Mô hình 2 đáy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Hội tụ âm.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.
- Đường MAS: 3 đường MA nằm trong xu hướng giảm.

Nhận định: Cổ phiếu PPC đã hình thành mô hình 2 đáy ngắn hạn trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng khá tốt. Chỉ báo RSI báo hiệu xu hướng tăng sau trong khi MACD đang cho thấy tín hiệu khởi đầu xu hướng tăng. Đường giá cổ phiếu đã chạm vào dải mây Ichimoku, cho thấy tín hiệu đảo chiều. Như vậy, PPC sẽ xác lập xu hướng tăng khi cổ phiếu vượt kênh giá 26 với mức thanh khoản lớn. Nếu thành công, cổ phiếu sẽ tăng trở về ngưỡng kháng cự cũ tại mức giá 29-30 trong các phiên giao dịch tới.



Phân Tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: Về dự phóng kinh doanh cho năm 2019, chúng tôi kì vọng PPC sẽ duy trì được sản lượng phát điện và tăng trưởng doanh thu nhờ nhu cầu điện tăng mạnh ở khu vực miền Bắc. PPC dự kiến sẽ hoàn thành trả toàn bộ nợ vay trong năm 2019, qua đó tiết kiệm được khoảng 24 tỷ chi phí lãi vay, tuy nhiên chúng tôi lưu ý rằng năm 2018 PPC có ghi nhận 1 khoản lợi nhuận tài chính đột biến do đó chúng tôi dự kiến lợi nhuận của PPC trong năm 2019 sẽ khó có được mức tăng trưởng mạnh, LNST dự kiến sẽ ở mức khoảng 1,200 tỷ đồng tương đương với mức EPS 3750 đồng/cổ phiếu.

Luận điểm đầu tư:

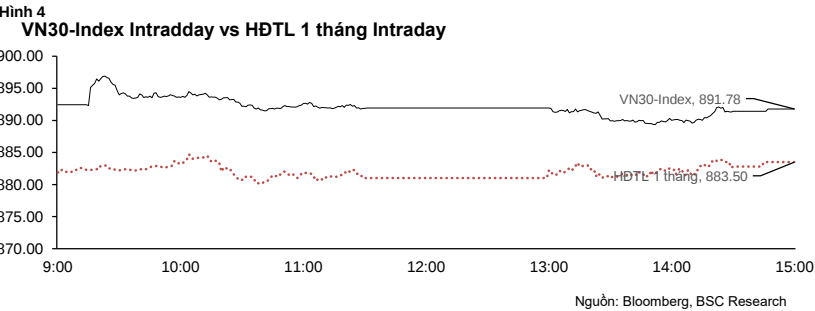
Rủi ro Đầu tư:

Cập nhật KQKD

Doanh thu quý 4 tăng trưởng 15%, doanh thu cả năm 2018 tăng 14% đến từ sản lượng điện tăng 13% và giá điện bình quân được cải thiện do công ty đã tận dụng được các cơ hội trên thị trường phát điện.

Năm 2018, số lần sửa chữa của PPC đạt mức thấp trong nhiều năm, do đó hiệu quả hoạt động của công ty được cải thiện đáng kể. Biên lợi nhuận gộp từ mức 12.67% của năm 2017 tăng lên 16.6% cùng với hiệu quả từ hoạt động tài chính (giảm nợ vay xuống còn 1 nửa so với năm 2018, chi phí lãi vay giảm còn 33% so với năm 2017) và hoàn nhập lại khoản dự phòng đầu tư vào QTP khoảng 200% trong năm 2018 giúp cho lợi nhuận tài chính của PPC trong năm 2018 tăng 24%. Qua đó lợi nhuận sau thuế của PPC trong năm 2018 tăng 35.4%.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 3
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1908	890.70	1.49%	-1.08	-23.6%	29669	8/15/2019	0
VN30F1909	883.50	0.50%	-8.28	-17.3%	83239	9/19/2019	33
VN30F1912	880.90	1.25%	-10.88	-61.2%	97	12/19/2019	124
VN30F2003	881.00	-0.26%	-10.78	-50.7%	37	3/19/2020	215

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ 0.66 điểm xuống mức 891.78 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, MBB, VCB, PNJ, và STB tác động mạnh đến xu hướng giảm của VN30. VN30 tiếp tục vận động quanh vùng giá 890-895. Các chỉ báo kỹ thuật tiếp tục cho thấy xu hướng tăng ngắn hạn. Tuy nhiên, chỉ số đang hoạt động trên đường trên của kênh xu hướng giảm kéo dài từ đầu năm, và có thể điều chỉnh giảm trong những phiên sắp tới.
- Các HĐTL có diễn biến trái chiều so với chỉ số cơ sở. Ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng khác đều tăng. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều đang giảm. Điều này cho thấy kỳ vọng giảm giá trong ngắn hạn. Tuy nhiên, nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 890 điểm cho hợp đồng ngắn hạn và 885 điểm cho các hợp đồng dài hạn hơn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)
CMWG1902	VND	12/11/2019	114	4:1	5,050	-78.9%	2,400,000
CMWG1904	SSI	12/30/2019	133	1:1	65,780	-50.2%	1,000,000
CMBB1902	HSC	12/17/2019	120	1:1	74,450	10.9%	1,000,000
CFPT1902	SSI	9/30/2019	42	1:1	104,650	-60.4%	1,000,000
CMBB1901	SSI	9/28/2019	40	1:1	147,320	-73.6%	3,000,000
CMWG1901	BSC	9/9/2019	21	4:1	43,850	-48.2%	1,000,000
CFPT1903	SSI	12/30/2019	133	1:1	22,410	-78.6%	2,000,000
CFPT1901	VND	9/11/2019	23	2:1	85,300	-80.2%	2,000,000
CMWG1903	HSC	12/30/2019	133	5:1	425,960	6.4%	2,000,000
CHPG1905	SSI	12/30/2019	133	1:1	7,160	-62.1%	1,000,000
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	24	2:1	62,040	-40.8%	1,500,000
CHPG1901	MBS	9/10/2019	22	2:1	10,910	-95.2%	2,000,000
CHPG1904	SSI	9/30/2019	42	1:1	46,690	-66.7%	1,000,000
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	22	5:1	68,190	-71.1%	1,000,000
CVNM1901	KIS	12/13/2019	116	10:1	321,810	-57.4%	5,000,000
CHPG1902	KIS	12/11/2019	114	5:1	104,270	-40.3%	3,000,000

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- Độ lệch chuẩn là 28.77%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 19/08/2019, thị trường chứng quyền diễn biến âm ảm dù phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm mạnh.
- CFPT1902 và CPNJ1901 giảm giá nhiều nhất lần lượt là 13.91% và 11.11%. Thanh khoản thị trường giảm mạnh 57.14%, CMWG1903 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 27% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là MWG và FPT, các chứng quyền khác duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. CMWG1901 và CMWG1902 là những chứng quyền có tỷ suất sinh lời lớn nhất. Trong khi đó, CMWG1904 và CMWG1901 là những chứng quyền có trạng thái lãi lớn nhất. PNJ và FPT đang tích lũy sau khi chạm ngưỡng trên của kênh xu hướng tăng quanh vùng giá lần lượt là 86 và 52. Các chỉ báo kỹ thuật cũng cho thấy tín hiệu điều chỉnh giảm. Chứng quyền có cổ phiếu cơ sở là PNJ và FPT có thể gặp áp lực giảm trong các phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 1
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	124.90	0.64	0.56
VHM	84.20	0.84	0.34
FPT	52.40	0.77	0.30
MWG	117.90	0.51	0.24
BID	36.70	1.94	0.17

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	21.6	-1.60	-1.11
MBB	22.1	-1.56	-0.62
VCB	76.8	-1.41	-0.46
PNJ	84.9	-1.28	-0.27
STB	10.3	-0.49	-0.12

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
3,200	3,440	3.30%	1,379
1,900	2,770	2.59%	1,593
1,200	880	1.15%	25
3,300	4,090	0.99%	1,827
2,700	6,000	0.00%	4,927
1,200	1,150	0.00%	393
1,000	500	0.00%	0
1,900	4,600	0.00%	3,767
2,200	2,500	-0.40%	971
14,000	34,800	-0.57%	29,494
2,000	7,740	-2.03%	7,460
6,000	12,100	-3.20%	7,447
2,990	9,000	-5.26%	7,313
1,500	880	-5.38%	335
1,700	2,800	-11.11%	1,300
3,800	8,600	-13.91%	6,670

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	117,900
CHPG1901	47,999	22,900	23,050
CHPG1902	168,888	41,999	23,050
CHPG1903	22,100	23,200	23,050
CMBB1901	23,700	20,600	22,050
CMBB1902	26,300	21,800	22,050
CMWG1902	48,130	90,000	117,900
CPNJ1901	26,300	77,981	84,900
CVNM1901	46,340	158,888	124,900
CFPT1902	96,981	45,140	52,400
CFPT1903	56,154	45,140	52,400
CHPG1904	98,800	23,100	23,050
CHPG1905	93,300	23,100	23,050
CMWG1903	25,800	95,000	117,900
CMWG1904	165,000	90,000	117,900
CFPT1901	27,000	44,154	52,400

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	117.9	0.5%	0.7	2,269	5.8	7,893	14.9	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	84.9	-1.3%	1.0	822	3.6	4,727	18.0	4.6	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	77.7	0.8%	1.3	2,368	0.1	1,503	51.7	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	39.1	0.3%	0.7	393	1.2	3,061	12.8	1.3	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	121.9	-0.1%	1.1	17,733	1.1	1,673	72.9	5.0	15.0%	8.2%
VRE	Bất động sản	35.3	0.4%	1.1	3,574	1.2	1,033	34.2	2.9	32.5%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.1	0.5%	0.8	2,512	1.1	3,579	17.4	2.9	7.2%	17.8%
REE	Bất động sản	37.5	-0.1%	1.0	506	2.2	5,261	7.1	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	14.2	0.7%	1.4	321	0.7	2,944	4.8	1.2	47.8%	27.0%
SSI	Chứng khoán	22.2	-0.2%	1.3	491	0.8	1,997	11.1	1.2	58.4%	10.9%
VCI	Chứng khoán	36.1	0.3%	1.0	256	0.0	5,067	7.1	1.6	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.3	1.7%	1.4	282	1.4	1,434	14.8	1.5	56.3%	11.1%
FPT	Công nghệ	52.4	0.8%	0.8	1,545	6.4	4,349	12.0	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.5	1.1%	0.4	481	0.0	3,778	11.8	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	101.8	0.9%	1.5	8,471	0.8	6,066	16.8	4.4	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	62.6	0.3%	1.5	3,187	0.4	3,271	19.1	3.7	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.6	1.0%	1.7	428	1.1	2,351	8.8	0.8	24.0%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.7	0.0%	0.8	1,308	0.4	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	95.5	1.6%	0.5	543	0.1	4,602	20.8	4.1	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.8	-0.4%	0.7	234	0.2	838	16.4	0.7	19.9%	4.9%
DCM	Hóa chất	8.1	-0.2%	0.7	187	0.0	894	9.1	0.7	2.5%	7.6%
VCB	Ngân hàng	76.8	-1.4%	1.3	12,384	2.3	4,729	16.2	3.7	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	36.7	1.9%	1.5	5,455	1.8	2,107	17.4	2.3	3.2%	13.8%
CTG	Ngân hàng	20.5	0.0%	1.6	3,319	1.1	1,470	13.9	1.1	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	19.5	0.0%	1.2	2,078	0.9	2,989	6.5	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	22.1	-1.6%	1.1	2,026	2.7	3,215	6.9	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.0	0.5%	1.1	1,551	1.2	3,438	6.4	1.5	34.0%	26.4%
BMP	Nhựa	51.0	-1.4%	0.9	182	0.2	5,040	10.1	1.7	76.8%	17.2%
NTP	Nhựa	39.7	0.5%	0.4	154	0.0	4,490	8.8	1.5	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.4	1.9%	1.2	641	0.0	732	22.4	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.1	0.0%	1.0	2,767	2.6	2,898	8.0	1.4	38.3%	19.9%
HSG	Thép	6.6	-0.6%	1.5	121	0.5	425	15.5	0.5	17.5%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	124.9	0.6%	0.8	9,456	4.1	5,465	22.9	7.7	58.9%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	276.5	0.2%	0.8	7,709	0.1	6,735	41.1	10.1	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	77.1	0.1%	1.2	3,919	1.0	3,304	23.3	2.9	40.3%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.1	0.6%	0.5	368	0.9	542	29.7	1.4	6.0%	4.9%
ACV	Vận tải	83.5	1.7%	0.8	7,904	0.2	2,630	31.7	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	130.5	0.0%	1.1	3,073	4.1	9,850	13.2	5.0	19.5%	43.3%
HVN	Vận tải	39.1	0.4%	1.7	2,408	0.2	1,747	22.4	3.1	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.5	0.0%	0.8	368	1.0	1,888	15.1	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	18.4	5.1%	0.6	225	1.0	2,505	7.3	1.3	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	90.6	1.2%	0.9	618	1.7	7,458	12.1	4.6	2.6%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.6	0.0%	0.9	363	0.2	1,333	14.0	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.1	0.0%	0.8	250	0.1	1,657	9.1	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	103.0	1.0%	0.7	342	0.1	13,465	7.6	1.0	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.7	-0.4%	1.1	513	0.4	1,307	20.4	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	20.9	-0.7%	0.5	225	0.2	485	43.0	1.0	52.4%	2.4%
POW	Điện	13.0	0.4%	0.6	1,319	0.5	820	15.8	1.2	14.9%	7.8%
NT2	Điện	24.7	0.0%	0.6	309	0.1	2,241	11.0	1.8	22.2%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	36.70	1.94	0.71	1.13MLN
VHM	84.20	0.84	0.69	341980.00
GAS	101.80	0.89	0.51	177900.00
VNM	124.90	0.64	0.41	758210.00
BVH	77.70	0.78	0.12	42400.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.00	0.46	0.17	1.21MLN
L14	74.30	6.98	0.06	158200.00
PVS	20.60	0.98	0.05	1.26MLN
VCS	90.60	1.23	0.04	426400.00
VIX	6.70	6.35	0.03	42200.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	76.80	-1.41	-1.21	692740.00
TCB	21.55	-1.60	-0.36	1.94MLN
MBB	22.05	-1.56	-0.22	2.75MLN
HNG	18.00	-2.44	-0.12	3.49MLN
VIC	121.90	-0.08	-0.10	211950.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TVC	16.00	-8.05	-0.05	455500.00
NVB	7.30	-1.35	-0.03	324600.00
API	16.20	-9.50	-0.02	5200.00
PVX	1.30	-7.14	-0.02	672600.00
VCR	21.40	-8.15	-0.02	337300.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HU1	7.95	7.00	0.00	160.00
CLW	23.00	6.98	0.01	3680.00
IJC	15.45	6.92	0.04	1.74MLN
RIC	4.81	6.89	0.00	140.00
DAH	14.85	6.83	0.01	1.49MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACM	0.50	25.0	0.01	159900.00
TKU	9.90	10.0	0.00	4000.00
VC9	10.00	9.9	0.01	100.00
QTC	19.20	9.7	0.00	200.00
NFC	6.90	9.5	0.00	200.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TPC	10.40	-9.17	-0.01	10100.00
PGI	16.20	-6.90	-0.03	1360.00
FTM	19.10	-6.83	-0.02	440.00
SC5	27.40	-6.80	-0.01	1780.00
VPS	10.40	-6.73	-0.01	60.00

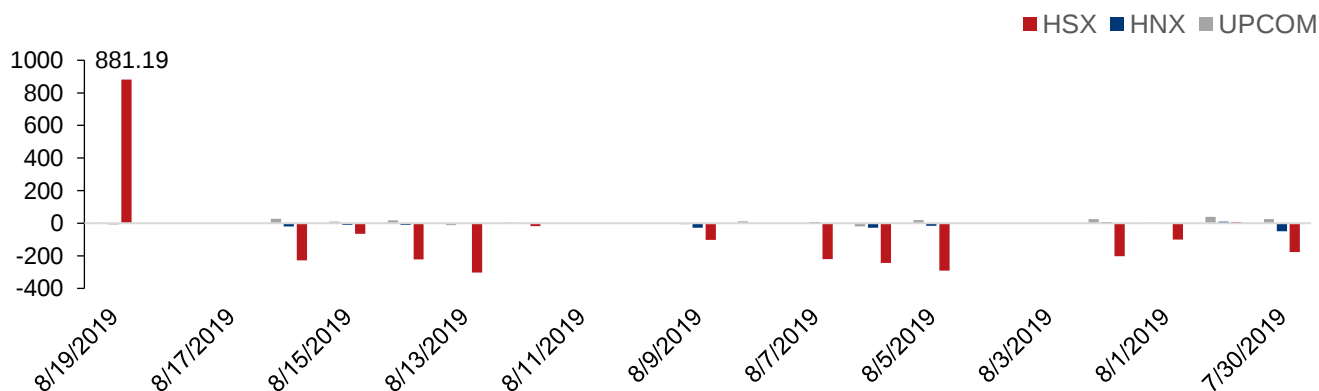
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SPI	0.80	-11.11	0.00	37200.00
VNT	39.20	-9.89	-0.01	70500.00
KMT	7.40	-9.76	0.00	1800.00
API	16.20	-9.50	-0.02	5200.00
L35	8.80	-9.28	0.00	100.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phen hóa và biến	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồ	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
4	2019M2_Biến động giằng co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
5	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
8	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
9	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
10	VM_M11_Giao dịch giằng co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
12	Vĩ mô_Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
13	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
17	Vĩ mô_Tháng 07_Phen hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M5_Phen hồi từ hoạt động đầu tư cơ	Phân tích vĩ mô		Click
20	tin_20180503	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	49.3	5,276	9.3	2.7	Click
2	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.2	4,234	6.9	1.0	Click
3	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.0	3,438	6.4	1.5	Click
4	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	18.2	3,181	5.7	1.6	Click
5	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.6	425	15.5	0.5	Click
6	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0		50.0	4,314	11.6	3.4	Click
7	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	77.1	3,304	23.3	2.9	Click
8	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.5	7,716	20.4	10.6	Click
9	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.5	1,888	15.1	1.4	Click
10	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	117.9	7,893	14.9	5.0	Click
11	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	31.3	3,760	8.3	1.6	Click
12	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.6	1,433	5.3	0.4	Click
13	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	83.0	18,865	4.4	1.7	Click
14	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	21.5	1,295	16.6	1.7	Click
15	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.1	3,481	5.2	1.2	Click
16	LHG	Bất động sản	Mua	7/5/2019	18.6	25.5	18.9	2,655	7.1	0.8	Click
17	FPT	Phần mềm	Mua	3/5/2019	50.0	59.1	52.4	4,349	12.0	2.7	Click
18	DGW	Bán lẻ	Mua	8/4/2019	22.9	27.4	23.3	3,149	7.4	1.2	Click
19	HDG	Bất động sản	Mua	8/4/2019	42.5	58.0	36.4	8,518	4.3	2.1	Click
20	GEX	Thiết bị điện	Mua	1/4/2019	23.0	30.2	20.2	2,251	9.0	1.7	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hòa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VSC 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 34000; Giá tại Publish 28600 Chúng tôi dự báo KQKD VSC 2019F với DT và LNST đạt lần lượt 1,695.8 tỷ đồng (+0.1% yoy) và 329.4 tỷ đồng (-7% yoy), tương đương EPS FW là 4,561 VND/CP. Biên lợi nhuận gộp VSC giảm nguyên nhân do việc thuê ngoài cảng PTSC và Nam Đình Vũ để bốc xếp tàu hàng bị trùng lịch với cảng Vip Green - Green Port khiến chi phí dịch vụ thuê ngoài tăng. Chúng tôi cho rằng VSC hiện đang gặp trục trặc trong việc quản lý cảng khiến cho các chi phí tăng mạnh, bên cạnh đó sản lượng hàng hóa thông cảng của Green Port -29% yoy và VIP Green Port là +8% yoy trong 1H2019. Tuy nhiên, chúng tôi kì vọng hoạt động kinh doanh khai thác cảng sẽ ổn định trở lại trong 2H2019-2020.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 33350; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTPL). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 138500; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp, PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sửa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sửa nước ngoài vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 82300; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thị trường phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express PNJ 2019Q3	12/8/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 93400; Giá tại Publish 76300 BSC dự báo KQKD 2019 với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 16,180 tỷ đồng (+10.2% yoy) và 1,193 tỷ đồng (+24% yoy), EPS cốt lõi FW 2019 = 5,089 đồng/cp, PE FW 2019 = 15.1 lần dựa trên các giả định (1) Biên lợi nhuận gộp năm 2019 ước đạt 21.6%, (2) SSSG cửa chuỗi vàng trang sức năm 2019 và 2020 lần lượt là 5% và 12% và (3) Số lượng cửa hàng mở mới dự kiến trong năm 2019 là 40 cửa hàng.



BSC Invest
Your Money. You invest

- Bạn không có thời gian để đầu tư
- Bạn băn khoăn với biến động thị trường
- Bạn cần hỗ trợ để đầu tư hiệu quả

I-INVEST LÀ CÔNG CỤ BẠN ĐANG TÌM KIẾM

[Tìm hiểu thêm](#)

BSC i-Invest là nền tảng giao dịch trực tuyến kiểu mới dành cho khách hàng của BSC. Khác với phương thức quen thuộc là đặt lệnh theo từng mã cổ phiếu, i-Invest sử dụng phương thức quản lý và thực hiện mua bán theo danh mục đầu tư. Dựa vào nhu cầu, đặc điểm, mức độ ưa thích rủi ro của khách hàng, hệ thống i-Invest ngay lập tức đưa ra danh mục đầu tư phù hợp với kỳ vọng lợi nhuận tốt nhất cho khách hàng.

Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật danh mục trên i-Invest

Danh mục	Hiệu suất danh mục							
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm 4 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
BDS & Khu công nghiệp	1.3%	2.4%	1.5%	2.4%	2.1%	4.5%	46.0%	103.9%
Chiến tranh thương mại	0.7%	0.0%	-1.6%	-0.8%	0.5%	15.5%	14.0%	129.1%
Dầu khí	0.7%	-0.7%	-3.0%	-7.3%	5.3%	7.7%	11.9%	-20.0%
Nước & Năng lượng	0.6%	1.1%	-2.5%	-3.3%	3.0%	15.0%	60.1%	102.7%
Ngân hàng	-0.5%	2.3%	-0.2%	4.1%	3.1%	-1.8%	70.7%	130.0%
Vật liệu Xây dựng	-0.5%	0.3%	1.0%	0.7%	5.0%	12.2%	13.8%	172.8%
* Note	Danh mục BDS & Khu công nghiệp hôm nay có hiệu suất ấn tượng +1.3% , so với mức tăng +0.1% của VNINDEX nhờ tình hình thương trường chiến Mỹ - Trung tiếp tục căng thẳng. Ngược lại, danh mục Vật liệu xây dựng giảm nhẹ -0.5% .							
Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	0.60%	0.39%	4.10%	8.22%	12.52%	18.42%	101.51%	170.47%
Danh mục 1	0.42%	1.84%	4.74%	4.80%	4.01%	6.46%	70.79%	125.14%
Danh mục 9	0.34%	1.51%	2.28%	2.44%	6.73%	11.01%	57.92%	123.80%
Danh mục 17	-0.35%	-0.53%	1.61%	0.08%	3.27%	20.89%	147.58%	253.10%
Danh mục 4	-0.40%	0.99%	-0.35%	1.91%	-0.66%	-4.21%	19.22%	74.75%
* Note	3/5 danh mục Mục tiêu đều có hiệu suất ngày tăng - khả quan							
Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.15%	0.46%	4.78%	7.41%	16.99%	41.30%	196.87%	225.22%
Danh mục 19	0.10%	1.41%	2.78%	4.55%	8.01%	10.98%	56.32%	124.45%
Danh mục 21	0.08%	0.35%	1.23%	0.21%	5.99%	4.89%	47.18%	59.40%
Danh mục 20	-0.22%	-1.24%	-2.86%	-0.54%	-1.17%	9.15%	17.36%	157.69%
Danh mục 23	-0.26%	-0.36%	4.05%	-0.23%	1.26%	14.48%	127.85%	208.32%
* Note	3/5 danh mục Rủi ro đều có hiệu suất ngày tăng - khả quan							
INDEX								
VNINDEX	0.1%	0.6%	-0.1%	-0.5%	1.1%	1.3%	48.1%	61.7%
VN30INDEX	-0.1%	1.1%	1.2%	-1.1%	-2.2%	-6.1%	36.3%	38.2%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: BSCV <GO>

